**KẾ HOẠCH BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN KHTN 6**

**Trường: THCS NAM LỢI Họ tên giáo viên:**

**Tổ: KHTN Ngày soạn:**

**Tiết 34+35: Kiểm tra giữa kì I**

**Bộ sách: Cánh diều Thời gian: 60 phút**

1. **MỤC TIÊU**
   1. **Về năng lực**

* Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.
* Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.
* Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.
* Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.
* Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).
* Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.

- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.

**-** Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài.

- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.

- Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.

- Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).

- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.

- Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành

- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.

- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.

* Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.
* Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).
* Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.
* Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.
* Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.
* Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).
* Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.
* Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.
* Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.
* Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.

* Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).
* Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).
* Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.
* Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
* Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).
* Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.
* Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.
* Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất.
* Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).
* Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.
* Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).
* Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.
* Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.
* Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
* Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.
* Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:
* liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
* Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm.
* Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng.
  1. **Về phẩm chất:** Rèn luyện tính trung thực khi làm bài kiểm tra.

1. **YÊU CẦU**
2. Giáo viên: Chuẩn bị đề, hướng dẫn chấm chi tiết.
3. Học sinh: Chuẩn bị nội dung kiến thức, dụng cụ học tập.
4. **TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 2 | 15 phút/45  phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra  viết | Bài kiểm tra (TN+  TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

# **Khung ma trận**

* + **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì I khi kết thúc nội dung: ***Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm***
  + **Thời gian làm bài:** 60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 16 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Thông hiểu: 3,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/số ý** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| 1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành.(7) |  | **8** |  |  |  |  |  |  |  | 8 | 2 |
| 2. Các phép đo (10) |  | **2** | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 3,5 |
| 3. Các thể (trạng thái) của chất. (5) |  | **3** |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 3 | 1,75 |
| 4. Oxygen (oxi) và không khí. (3) |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| 5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm (7) |  | **2** |  |  | **1** |  |  |  | 1 | 2 | 2,5 |
| **Số câu 19** | **0** | **16** | **1** |  | **1** | **0** | **1** | **0** | 3 | 16 | 10,00 |
| **Điểm số** | **0** | **4,0** | **3,0** | **0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | 1. **điểm** |

**2. Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | |  | **8** |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | C10 |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 3 |  | C4,5,7 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | **4** |  | C2,3,6,8 |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | |  |  |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  | **2** | **2** |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C9 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C12 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. | **1** |  | C1(TL) |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. | **1** |  | C1(TL) |  |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
|  | ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (8 tiết)*** | | **1** | **4** |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  | **1** |  | C16 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  | **1** |  | C15 |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  | 1 |  | C14 |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  | **1** |  | C1 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | **1** |  | C3(TL) |  |
|  | ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (7 tiết)*** | | **4** | **2** | 4 | 2 |
|  | **Nhận biết** | - Nêu được ứng dụng một số nguyên liệu trong đời sống và sản suất.  - Nhận biết được một số nguyên liệu trong đời sống và sản xuất |  | **1**  **1** |  | C 11  C13 |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... | **1** |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... | **1** |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. | **1** |  | C1(TL) |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng. | **1** |  | C3(TL) |  |
| – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. |  |  |  |  |
| – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I. NĂM HỌC: 2022-2023**

**MÔN KHTN. LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 60 phút*

**I. TRẮC NGHIỆM*(4,0 điểm)***

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1. Khái niệm nào sau đây đúng:**

1. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất.
2. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất.
3. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể hơi của chất.
4. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể khí sang thể lỏng của chất.

**Câu 2. Cấu tạo của kính lúp gồm mấy bộ phận?**

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

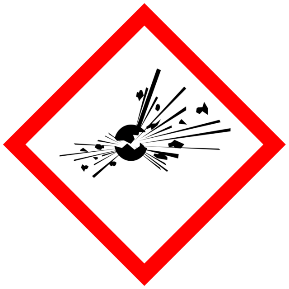
**Câu 3. Việc làm nào sau đây không phải là việc bảo quản kính hiển vi?**

1. Lau khô sau khi sử dụng
2. Để nơi khô ráo, tránh mốc ở bộ phận quang học
3. Rửa sạch bộ phận quang học bằng nước khoáng.
4. Kính phải được bảo dưỡng định kì.

**Câu 4. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?**

1. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.
2. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.
3. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 5. Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?**



1. Chất dễ cháy.
2. Chất gây nổ.
3. Chất ăn mòn.
4. Phải đeo găng tay thường xuyên.

**Câu 6. Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?**

1. Kính có độ.
2. Kính lúp.
3. Kính hiển vi.
4. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

**Câu 7. Việc làm nào sau đây được cho là không an toàn trong phòng thực hành?**

1. Đeo gang tay khi lấy hóa chất
2. Tự ý làm các thí nghiệm
3. Sử sụng kính bảo vệ mắt khi làm thí nghiệm
4. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.

**Câu 8. Kính lúp thường được dùng để quan sát những vật có đặc điểm như thế nào?**

1. Vật có kích thước mà mắt thường khó quan sát.
2. Vật có kích thước rất nhỏ.
3. Vật có kích thước lớn.
4. Vật có kích thước rất lớn.

**Câu 9. Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là**

**A**. dềximet (dm). **B**. mét (m). **C.** centimet (cm). **D.** milimet (mm).

**Câu 10. Vật thể tự nhiên là**

**A.** ao, hồ, sông, suối.

**B.** biển, mương, kênh, bể nước.

**C.** đập nước, máng, đại dương, rạch.

**D.** hồ, thác, giếng, bể bơi.

**Câu 11. Nguyên liệu được sử dụng để sản xuất vôi sống, phấn viết bảng, tạc tượng…là gì?**

1. Đá vôi. **B.** Cát. **C.** Đất sét. **D.** Đá.

**Câu 12. Giới hạn đo của một thước là**

**A**. chiều dài lớn nhất ghi trên thước. **B**. chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

**C**. chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước. **D**. chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

**Câu 13**. **Nhiên liệu hóa thạch**

**A.** là nguồn nhiên liệu tái tạo.

**B.** là đá chứa ít nhất 50% xác động và thực vật.

**C.** chỉ bao gồm dầu mỏ, than đá.

**D.** là nhiên liệu hình thành từ xác sinh vật bị chôn vùi và biến đổi hàng triệu năm trước.

**Câu 14. Quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất là:**

1. sự nóng chảy
2. sự đông đặc
3. sự bay hơi
4. sự ngưng tụ

**Câu 15. Đâu là vật thể nhân tạo?**

1. Con gà
2. Bút chì
3. Bắp ngô
4. Vi khuẩn

**Câu 16. Vật thể nào sau đây chứa sắt?**

1. Hạt ngô
2. Hạt gạo
3. Củ khoai
4. Lưỡi cuốc

**II. PHẦN TỰ LUẬN: ( 6 ĐIỂM)**

**Câu 17.**(3,0 điểm)

a) Cho hai dụng cụ đo: Thước có giới hạn đo 30cm, độ chia nhỏ nhất 1mm và thước có giới hạn đo 100cm, độ chia nhỏ nhất 1mm. Em hãy chọn một thước đo thích hợp để đo chiều rộng bàn học của em và giải thích vì sao chọn thước đó.

b) Để thực hiện đo thời gian đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ nào? Giải thích sự lựa chọn của em.

c) Em hãy nêu vai trò của lương thực, thực phẩm đối với con người?

**Câu 18**. (2,0 điểm): Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bật gas, bếp gas.

a) Chúng ta nên làm gì sau khi sử dụng bếp gas để đảm bảo an toàn?

b) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

c) Trong trường hợp đang nấu ăn mà vòi dẫn gas bị hở và gas phun ra, cháy mạnh thì ta nên làm thế nào?

d) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**Câu 19.**(1,0 điểm): Trình bày một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí?

---------- Hết ----------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | A | C | C | D | A | C | B | A | B | A | A | A | D | A | B | D |

1. **TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17.**  **(3 điểm)** | a) Trước khi đo em ước lượng bàn học của em dài khoảng 50cm nên em chọn thước đo có giới hạn đo 100cm, độ chia nhỏ nhất 1mm. Vì chọn thước đo này chỉ cần đo một lần là được kết quả, tránh đo nhiều lần mất thời gian và có thể dẫn đến sai số trong phép cộng các kết quả.  b) Khoảng thời gian đi bộ từ cổng trường vào lớp học khá ngắn, nên để đo chính xác thời gian đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ bấm giây.  c) Cung cấp các chất thiết yếu cho cơ thể con người như:  - Chất béo  - Đường  - Chất bột  - Chất đạm  - Vitamin và khoáng chất | 1  1  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 18**  **(2,0 điểm)** | a) Sau khi sử dụng bếp gas thì nên khóa van an toàn để tránh trường hợp gas bị rò ra ngoài có thể gây cháy nổ.  b) Để bình gas nơi thoáng khí để khi lỡ có rò gas thì khí cũng bay ra xa, làm loãng lượng gas trong không gian nhà bếp và tránh được nguy cơ cháy nổ.  c) Khi vòi dẫn gas bị hở và cháy, cần bình tĩnh tránh xa ngọn lửa, sau đó vặn khóa van an toàn bình gas lại. Trong trường hợp ngọn lửa lớn không tiếp xúc được với khóa gas thì dùng chăn ướt tấp kín để dập tắt ngọn lửa rồi khóa van an toàn bình gas.  d) Đi học về mà ngửi thấy mùi gas thì nên hành động như sau:  - Mở hết cửa để khí gas bay ra ngoài.  - Khóa van an toàn ở bình gas.  - Tuyệt đối không bật công tắc điện, không đánh lửa.  - Báo cho người lớn để kiểm tra và sửa chữa trước khi sử dụng lại. | 0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 19**  **(1,0 điểm)** | Biện pháp bảo vệ không khí:  - Quản lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, vứt rác đúng nơi quy định.  - Tuyên truyền nâng cao ý thức con người.  - Tiết kiệm điện và năng lượng, tắt điện khi không sử dụng.  - Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường, trồng nhiều cây xanh. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |